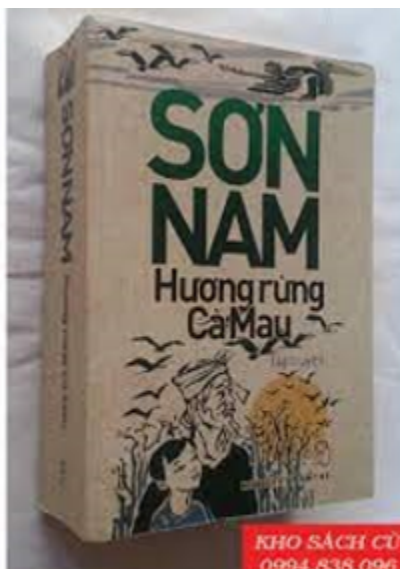


Tưởng Năng Tiến – Sơn Nam Again



“Phong sương mấy độ qua đường phố/ Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê.” [Sơn Nam](#) (11.12.1926 – 13.18.2008).

Mấy năm trước, sau khi ghé thăm Lý Chánh Trung, [giáo sư Nguyễn Văn Lục](#) đã có nhận xét như sau về người bạn đồng nghiệp cũ :

“... sau 1975 ... có mấy nhà văn, nhà báo trong Nam được cầm bút lại như Lý Chánh Trung. Con số đếm chưa hết một bàn tay... Trước 75, ông viết như thể một người nhập cuộc, kẻ lên đường, kẻ làm chứng, người trí thức dấn thân. Ông viết với một tấm lòng nhiệt huyết. Sau 1975, ông viết như một kẻ đứng bên lề, xem đá banh và vỗ tay.”

Tôi có ngồi học với giáo sư Lý Chánh Trung đầu chừng cỡ... nửa giờ, ở trường Văn Khoa Đà Lạt. *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*. Tôi không dám bàn luận lời thôi gì (thêm) về chuyện viết lách của một người thầy học cũ.

Nhận xét dẫn thượng, chả hiểu sao, bỗng khiến tôi nhớ đến nhà văn Sơn Nam. Ông cũng là một trong những người may mắn hiếm hoi của miền Nam (trong “con số đếm chưa hết một bàn tay”) vẫn được phép cầm viết, sau 1975, và là một trong những nhà văn mà tôi vô cùng mến mộ.

Tác phẩm (có lẽ) đặc ý nhất của Sơn Nam là cuốn *Hương Rừng Cà Mau*, trong đó có truyện [“Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư”](#). Tác giả kể lại chuyện một người dân ở U Minh Hạ, đặt mua báo dài hạn nhưng không trả tiền nên nhà báo phải cử người đi đòi nợ. Xin trích vài đoạn đọc chơi cho nó ... đã :

“- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bâ Ngọt lận! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó lên công sở...

Thầy phái viên nhà báo “Chim Trời” giựt mình:

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý vị độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

-Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.” (Sơn Nam. “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư.” *Hương Rừng Cà Mau*. Sài Gòn: Trí Đăng, 1972).

Nhân vật chính trong truyện, ông Trần Văn Có, theo như lời dân cùng xóm, là một người độc thân, làm nghề giăng câu, nuôi heo, lấy tổ ong, và hơi ba hoa chút đỉnh: “*Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gửi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hít-le, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...*”

Nghe nói vậy nhưng không phải vậy. Khi phái viên báo Chim Trời giáp mặt độc giả Trần Văn Có, ngay tại nơi cư trú của ông, cuộc hội kiến – rõ ràng – rất là trang trọng và (vô cùng) thăm thiết :

“*Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu... Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuồng đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đi. Thếếp đèn dầu cá kèo thêm một tim thú nhĩ nữa, chấy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuồn cuộn, tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như màn lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.*

Tư Có bỏ mũ xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khóí như vậy mà muỗi cứ bu lại rớt lênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu, thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén đỡ mí mũ, chui lẹ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hồi sanh bịnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bê Ngạc, tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây thất bại, phong thổ ảm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bịnh hoạn, thừa thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trố mắt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hồ, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là độc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

...

- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách Quốc Văn giáo khoa thư, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hút “ca rê”, tay xách toòng teng bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râu, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài ‘chốn quê hương đẹp hơn cả’ chứ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, lán giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đó đa! Đó đa! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gợi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chẵn trâu cầm roi: ai bảo chẵn trâu là khổ... Không, chẵn trâu sướng lắm chứ.

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim...

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây trâu tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo Chim Trời chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động...”

(sđd 111-116).

Tôi đọc truyện “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư” khi còn ở tuổi đôi mươi. Tuổi trẻ bao giờ cũng nhiều lý tưởng. Tôi và bè bạn vẫn tâm nguyện rằng, sau cuộc chiến, thế hệ của mình sẽ cố góp hết sức để dựng xây những phần đất quê hương (bị lãng quên) như vùng U Minh Hạ.

Hòa bình, tiếc thay, đã không mang lại cuộc sống an bình như mọi người mong muốn. Không những thế, nó còn khiến cho hàng triệu kẻ đã phải liều mạng rời bỏ quê hương, để mưu cầu một cuộc sống khả kham (hơn) nơi đất lạ quê người.

Tôi là một trong những kẻ đã (đành đoạn) bỏ đi như thế. Vài chục năm sau, khi tóc đã điểm sương, ở một góc trời xa, tình cờ đọc được bài báo (“Tiếng Kêu Giữa Rừng U Minh Hạ”) của phóng viên Hoàng Trí Dũng mà không khỏi băn khoăn nhớ về quê cũ :

“Tôi đã đến nhiều miền quê nghèo khó vùng sông nước ĐBSCL, nhưng có lẽ chưa lần nào tôi bị ‘sốc’ như chuyến đi lần này. Nơi tôi đến là một vùng quê giáp ranh giữa hai tỉnh Kiên Giang – Cà Mau, cách không xa trung tâm hai thành phố Rạch Giá và Cà Mau, vậy mà đã 30 năm sau ngày đất nước thống nhất vùng quê ấy vẫn còn là bức tranh buồn thảm với nhiều nỗi bức xúc: không điện, đường, trường, không trạm xá, không hộ khẩu, không đất sản xuất...”

“Trái ngược với hình ảnh ấy là cơ ngơi của các quan chức địa phương – những người đang giành giật đất đai của dân. Đó là chuyện thật ở ngay một góc Lâm trường U Minh 2, ấp 4, xã Khánh Hịa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.”

...

“Cách đây hai năm một cháu bé tên Hằng, 10 tuổi, con của hai vợ chồng trẻ không may bị bệnh viêm ruột thừa cấp tính, nhưng ở giữa rừng không có trạm y tế, mà lòng kênh trơ đáy khô queo, còn trên bờ thì không có đường đi rứt cuộc đành ngồi nhìn con chết mà bất lực vì không cách nào chuyển đi bệnh viện. ..”

“Ông chủ nhà Nguyễn Trung Liệt – một lão nông có uy tín trong vùng – vào chuyện: ‘Trên 60 tuổi rồi, hơn chục năm, ba thế hệ với hơn 30 người sinh ra và lớn lên tại khu rừng này, nhưng ngặt một nỗi nhà tui không ai có được tấm hộ khẩu, cũng chẳng hề có giấy chứng minh nhân dân. Người lớn còn đỡ chú tội nghiệp sắp nhỏ, năm đứa cháu nội ngoại ra đời trong ruột rừng này hiện tại đều thất học như ông cha nó...’

Chú Ba Vinh thì kêu: “Cả trăm gia đình bà con ở đây khổ lắm, không thua gì thời kỳ Pháp thuộc...”

Chú Ba Vinh (nào đó) tuổi đời – có lẽ – còn hơi ít nên không biết rõ cảnh sống của dân chúng ở U Minh Hạ vào thời Pháp thuộc. Chớ hồi đó, cứ theo như lời kể của ông già Nam Bộ Sơn Nam, nơi đây đã có người đặt mua dài hạn báo Chim Trời ở tận Sài Gòn, có kẻ giữa bữa giỗ (dám) bàn chuyện quốc sự và lớn tiếng chê bai tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang sa.

Những chuyện “tầm ruồng” như thế, xem ra, có vẻ như một giấc mơ (đã) xa xôi lắm đối với người dân ở U Minh Hạ – bây giờ. Trong bài phóng sự (thượng dẫn) không nghe phóng viên báo Tuổi Trẻ kể lại chuyện có bữa nhậu lai rai mấy con cá lóc nướng trui với người dân địa phương, và dùng chung với họ một bữa cơm chiều (“ngon làm sao”) như đặc phái viên của báo Chim Trời – hồi đó. Chuyện người ta ăn ở cư xử tử tế với nhau, theo kiểu “Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư” (ngó bộ) cũng miễn có luôn.

Ở U Minh Hạ, ngày nay, theo như nguyên văn tường thuật của nhà báo Hoàng Trí Dũng: “30 năm sau ngày đất nước thống nhất vùng quê ấy vẫn còn là bức tranh buồn thảm với nhiều nỗi bức xúc: không điện, đường, trường, không trạm xá, không hộ khẩu, không đất sản xuất.” Có chăng chỉ là tiếng kêu gào ai oán, của những người dân khốn cùng và uất hận, vì bị cướp bóc trắng trợn mà thôi.



"Từ cơ quan được gọi là Bảo Vệ Văn Hóa đặt tại một căn nhà số chẵn đường Hai Bà Trưng, nơi bọn Vũ Hạnh, Sơn Nam hàng ngày thì thọt lui tới, với những bản báo cáo mật..., bản danh sách 44 người sẽ bị bắt đã được hoàn tất, mỗi nhà văn miền Nam có tên trong sổ đen đã mỗi người có một hồ sơ tội trạng riêng." Mai Thảo (Chân Dung – Văn Khoa, 1985)

Sơn Nam, có lẽ, vì tuổi đời đã cao nên không còn nghe và thấy được những tiếng kêu thương và cảnh đời vô vọng (đến thế) từ nơi sinh trưởng của ông. Ngày 18 tháng 8 năm 2008, trên diễn đàn [talawas](#), tôi nghe nhà văn Lê Phú Khải kể chuyện này :

“Có lần tôi nhờ ông viết một bài cho Đài Tiếng nói Việt Nam để kỷ niệm Cách mạng tháng Tám ở Nam bộ. Mấy ngày sau, cũng tại quán café ở Gò Vấp, ông đưa tôi bài: ‘Nhớ ngày Cách mạng tháng Tám ở U Minh’, đánh máy bằng cái máy chữ, chữ nhỏ li ti như con kiến. Đài phát xong tôi thấy ‘tiếc’ quá! Vì chữ nghĩa phát lên trời rồi gió bay đi... Tôi bèn gửi bài đó cho báo Cà Mau.

Khi bài báo đó được in trên giấy trắng mực đen ở Cà Mau thì bạn đọc, cán bộ, đồng bào và các nhà nghiên cứu của vùng đất này đều kinh ngạc về trí nhớ của Sơn Nam. Bài báo đó là một tư liệu lịch sử sống động về Cách mạng tháng Tám ở U Minh, chưa từng được ai ghi chép lại sinh động như thế. Thư gửi về toà soạn tới tấp... Xin trích đăng lại đoạn cuối của bài báo đó :

“Tại dinh chủ quận trước kia, cờ đỏ sao vàng bay phấp phới. Từ những thôn xóm hẻo lánh, đồng bào đến dự ngày lịch sử trọng đại. Đã có ban trật tự sắp xếp chỗ đậu xuồng ghe. Đồng bào người Khmer cũng đến dự với các sãi áo vàng. Xuồng ghe đậu dài hàng kilômét. Nhiều người trung niên ‘quần bao áo bố’ cồng con trên vai để nó trông lên khán đài.

Tiếng loa phát ra vang vang, báo tin đại diện của tỉnh bộ Việt Minh đã đến. Có múa lân. Vài ông lão tụ tập lại, dạy võ thuật cho thanh niên. Loa lại vang lên, khuyên đồng bào yên tâm, cứ chịu đói buổi sáng, sau đó sẽ có phân phát bánh tét, ăn thay cơm. Trời chuyển mưa. Đồng bào vẫn đứng chịu mưa tại chỗ.”

Câu chuyện này cũng lại khiến tôi liên tưởng đến nhận xét của giáo sư Nguyễn Văn Lục về một vị thầy học cũ của mình :

“Trước 75, ông viết như thể một người nhập cuộc, kẻ lên đường, kẻ làm chứng, người trí thức dẫn thân. Ông viết với một tấm lòng nhiệt huyết. Sau 1975, ông viết như một kẻ đứng bên lề, xem đá banh và vỗ tay.”

Sơn Nam qua đời vào ngày 13 tháng 8 năm 2008 nhưng ông đã chết (trong tôi) hơi lâu, trước đó.

Tưởng Năng Tiến - 8/2011